

Số: /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật quy hoạch đô thị năm 2009; Luật quy hoạch năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018; Luật Kiến trúc năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; số 39/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; số 72/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội: số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị; số 1211/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; số 829/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Hà Nam;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 2750/BXD-QHKT ngày 28/6/2023 của Bộ Xây dựng về việc ý kiến đối với đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Kết luận của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Hội nghị giao ban tuần 51/2023 ngày 13/12/2023 (tại Thông báo số 4924/TB-VPUB ngày 13/12/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh);

Theo các Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 1436/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Hà Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lý Nhân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày

20/01/2012 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân; Văn bản số 3011/UBND-GTXD ngày 04/11/2021 về việc chủ trương lập Quy hoạch chung xây dựng các xã, thị trấn, đô thị mới trên địa bàn huyện Lý Nhân; Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 05/1/2023 về việc phê duyệt Nhiệm vụ và Dự toán chi phí khảo sát lập đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng (tại Tờ trình số 2998/TTr-SXD ngày 24/11/2023, kèm theo Báo cáo Thẩm định số 2997/BC-SXD ngày 24/11/2023; Biên bản cuộc họp Hội đồng thẩm về hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 15/5/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Lý Nhân về việc thông qua đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân; với những nội dung sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân.

3. Phạm vi, quy mô lập quy hoạch

3.1. Phạm vi lập quy hoạch: trên toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Vĩnh Trụ, vị trí cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Đức Lý;
- Phía Nam giáp xã Nhân Khang;
- Phía Đông giáp xã Nhân Khang và xã Đức Lý;
- Phía Tây giáp sông Châu Giang và huyện Bình Lục.

3.2. Quy mô:

- Quy mô diện tích: khoảng **511,0** ha.
- Quy mô dân số:
 - + Quy mô dân số hiện trạng (năm 2022): khoảng **11.610** người.
 - + Quy mô dân số đến năm 2030 khoảng **27.800** người.
 - + Quy mô dân số đến năm 2035 khoảng **37.885** người.

4. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Lý Nhân đã được duyệt theo quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Làm cơ sở để xây dựng thị trấn Vĩnh Trụ đạt tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2025 và là hạt nhân quan trọng làm cơ sở để xây dựng huyện Lý Nhân đạt tiêu chí đô thị loại IV trong giai đoạn 2030 và định hướng phát triển thành thị xã trực thuộc tỉnh.

- Dự báo và định hướng nhằm phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh và những đặc thù của đô thị; Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bố trí dân cư đô thị, dân cư hiện trạng, phát triển thương mại, tiểu thủ công nghiệp, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật,

đảm bảo cho sự phát triển bền vững và giữ gìn bản sắc văn hóa.

- Đề xuất danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện; kiểm soát phát triển và quản lý đô thị.

- Tạo lập cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng và phát triển của đô thị, xây dựng các chương trình kế hoạch và đề xuất các chính sách phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực.

5. Tính chất

- Là đô thị huyện lỵ, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo, trung tâm thương mại của huyện Lý Nhân.

- Là đô thị loại IV trực thuộc huyện Lý Nhân.

6. Lý do điều chỉnh

- Cập nhật địa giới hành chính thị trấn Vĩnh Trụ theo Nghị quyết 829/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Hà Nam (*thị trấn Vĩnh Trụ được mở rộng phạm vi địa giới hành chính sang toàn bộ xã Đồng Lý*).

- Cụ thể hóa Đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lý Nhân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh, theo đó thị trấn Vĩnh Trụ được định hướng phát triển mở rộng không gian để đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và phân đấu cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV.

- Căn cứ điều 46 Luật Quy hoạch đô thị 2009, thực hiện việc rà soát, đánh giá quá trình thực hiện theo định kỳ để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội trong từng giai đoạn, đối với quy hoạch chung đô thị là 5 năm.

7. Định hướng phát triển không gian đô thị

7.1. Định hướng không gian toàn đô thị:

- Các nội dung chính cơ bản tuân thủ theo đồ án quy hoạch chung xây dựng thị trấn Vĩnh Trụ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 20/01/2012 và cập nhật điều chỉnh một số nội dung theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lý Nhân đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 20/7/2021, rà soát đánh giá cập nhật các đồ án có liên quan. Mở rộng không gian phát triển thị trấn Vĩnh Trụ lên phía Bắc (kết nối với không gian định hướng phát triển mở rộng đô thị sang một phần xã Đức Lý và xã Công Lý) hình thành chuỗi đô thị dọc trục Vành đai 5 vùng Thủ đô (Vĩnh Trụ - Thái Hà) làm hạt nhân quan trọng để phát triển đô thị trên địa bàn toàn huyện.

- Không gian thị trấn Vĩnh Trụ được phát triển theo mô hình tập trung, phát triển nén tại khu vực trung tâm thị trấn lấy tuyến đường QL.38B, đường ĐT.491, tuyến đường kết nối Bắc Nam phía Đông thị trấn làm động lực sức hút cho phát triển của toàn đô thị. Định hướng phát triển mạng lưới giao thông chính theo dạng ô cờ, các trục cảnh quan chính của đô thị được quy hoạch theo hướng Bắc Nam và Đông Tây đảm bảo kết nối thuận lợi và phù hợp với thực tế địa hình hiện trạng trong khu vực. Không gian trung tâm mới của đô thị được bố trí mở rộng theo

hướng Bắc Nam bám dọc trục chính của đô thị dựa trên trục giao thông đường QL.38B, tuyến đường kết nối Bắc Nam phía Đông thị trấn để mở rộng không gian đô thị về phía Bắc theo định hướng phát triển chung của quy hoạch xây dựng vùng huyện Lý Nhân. Khu vực trung tâm hiện hữu giữ nguyên, cải tạo và chỉnh trang nâng cấp. Các không gian khu ở mới được phát triển theo nguyên tắc lan tỏa trên cơ sở các không gian khu ở hiện hữu.

- Quy hoạch bổ sung các chức năng đất về công trình công cộng, cây xanh, thể dục thể thao, đào tạo... cấp đô thị để củng cố các tiêu chí của đô thị loại V, làm tiền đề, mục tiêu hướng tới đạt tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2030.

- Kết nối không gian toàn đô thị bằng hệ thống cây xanh, mặt nước để tạo hình ảnh đô thị sinh thái với hình ảnh đặc trưng của vùng đồng bằng Bắc Bộ.

- Phát triển kiến trúc hiện đại, đồng bộ, hạn chế tăng mật độ xây dựng khu dân cư hiện trạng. Tăng cường không gian xanh, không gian vui chơi giải trí - thể dục thể thao cho đô thị. Hệ thống cây xanh, vườn hoa cấp đơn vị ở được quy hoạch xen kẽ trong từng nhóm ở.

- Các công trình công cộng (trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, chợ, y tế, công trình công cộng, thể dục thể thao,...); các công trình trụ sở cơ quan, huyện lỵ có kiến trúc hiện đại, mật độ xây dựng thấp và trung bình gắn với không gian công viên cây xanh, hồ nước hình thành các không gian mở tạo cảnh quan cho đô thị.

- Bố trí hệ thống trụ sở cơ quan theo hướng tập trung tại khu vực mới, nhằm phục vụ người dân tốt hơn, thuận lợi hơn; đồng thời hình thành cụm công trình kiến trúc kết hợp với không gian cây xanh công viên, quảng trường tạo ra khu vực điểm nhấn trung tâm của đô thị.

- Hệ thống cây xanh mặt nước đô thị được bố trí tập trung trong khu vực xung quanh trung tâm hành chính tập trung. Các không gian xanh, vườn hoa vừa và nhỏ được bố trí trong các nhóm ở, khu vực xung quanh các công trình tôn giáo, tín ngưỡng đảm bảo yêu cầu phục vụ không gian sinh hoạt chung của người dân. Bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối, các trục hành lang xanh, không gian xanh kết hợp đường giao thông tạo cảnh quan đẹp cho toàn bộ đô thị cũng như khu vực trung tâm hành chính, văn hóa, giáo dục... và các nhóm ở.

- Các khu dân cư mới được quy hoạch với các công trình kiến trúc dạng nhà phố có kiến trúc đồng bộ hiện đại, nhà biệt thự và khuyến khích xây dựng nhà chung cư tập trung kết hợp với các không gian cây xanh, mặt nước lớn nhằm hình thành các khu vực đô thị mới với đầy đủ các công trình hạ tầng xã hội, có hạ tầng kỹ thuật được xây dựng đồng bộ.

- Bố trí quỹ đất tái định cư có vị trí phù hợp, kề cận với với khu dân cư hiện trạng, khu vực phát triển mới. Từng bước cải tạo, chỉnh trang khu vực dân cư hiện hữu theo hướng đồng bộ với các khu vực phát triển đô thị mới, hạn chế tăng mật độ xây dựng, giữ gìn cấu trúc không gian hiện hữu.

- Các khu vực nghĩa trang hiện trạng dần đóng cửa theo lộ trình, bố trí cây xanh cách ly kết hợp với hệ thống cây xanh cảnh quan nhằm tôn tạo cảnh quan môi trường cho khu vực xung quanh nghĩa trang, nhằm hạn chế tác động xấu đến các

khu chức năng trong đô thị.

- Khu vực cấm xây dựng: Nghiêm cấm xây dựng các công trình trong hành lang lưới điện, các khu vực thuộc vùng bảo vệ của di tích lịch sử, văn hóa theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, các khu vực thuộc lộ giới quản lý các tuyến đường theo quy hoạch phải được kiểm soát chặt chẽ theo quy hoạch được duyệt.

7.2. Thiết kế đô thị:

- Khu vực hiện hữu: Tập trung vào nâng cấp, cải tạo và chỉnh trang các công trình xuống cấp, các công trình xây mới theo hướng sinh thái có tầng cao trung bình và thấp, tận dụng các khu đất trống, hoặc tận dụng chuyên đổi chức năng tại khu ở bổ sung tăng cường thêm các tiện ích cho từng khu ở hiện hữu như: nhà văn hóa, cây xanh vườn hoa, mặt nước, TDTT, sân chơi....Triển khai các thiết kế đô thị, quy chế quản lý kiến trúc đô thị, nhằm quản lý chặt chẽ chỉ giới xây dựng, tầng cao, hình thức, màu sắc kiến trúc công trình trên các trục đường chính đô thị, các trục đường đối ngoại, các khu vực yêu cầu cao về kiến trúc cảnh quan, đảm bảo việc cải tạo, chỉnh trang triển khai thực hiện quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng được đồng bộ, thống nhất.

- Khu vực đô thị phát triển mới: Các khu vực đô thị phát triển mới mang hình ảnh khu ở hiện đại, khuyến khích áp dụng đô thị nén tại khu vực trung tâm, khu vực khác nghiên cứu áp dụng theo hướng sinh thái có hệ số, mật độ trung bình và thấp, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ. Tập trung xây dựng một số công trình thương mại dịch vụ, siêu thị, ngân hàng, tài chính có quy mô từ 7-9 tầng, hình khối lớn, hiện đại, tạo điểm nhấn cho đô thị và đáp ứng nhu cầu của người dân trong vùng. Công trình công cộng, hành chính sự nghiệp được bố trí tầng cao 3 tầng, có phong cách kiến trúc, hình khối phù hợp với công năng sử dụng. Các công trình công cộng khác được nghiên cứu bố trí tầng cao, mật độ, phong cách kiến trúc phù hợp với công năng sử dụng của từng công trình, đảm bảo tuân thủ theo quy hoạch, theo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

- Tổ chức không gian các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các trục không gian chính, quảng trường, điểm nhấn đô thị: Hình thành các trục không gian chính kết hợp với bố trí các công trình điểm nhấn tại các vị trí cửa ngõ của đô thị trên các Tuyến đường ĐH.06, đường QL.38B, ĐT.491, đường D1,... và khu vực trung tâm đô thị.

- Khu vực cây xanh mặt nước:

+ Bố trí không gian cây xanh, mặt nước tập trung cấp đô thị tại khu vực trung tâm xung quanh khu vực trung tâm hành chính mới, khu vực các công trình thể dục thể thao, công trình văn hóa cấp đô thị, qua đó hình thành khu vực điểm nhấn không gian mở quan trọng về kiến trúc cảnh quan, điều hòa vi khí hậu của đô thị.

+ Bố trí hệ thống các công viên vườn hoa, khu thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí cấp khu ở, nhóm ở đảm bảo bán kính phục vụ, đáp ứng nhu cầu giao lưu, sinh hoạt cộng đồng cho người dân đô thị

+ Hệ thống cây xanh theo tuyến: Bố trí hình thành các dải cây xanh liên tục và hoàn chỉnh theo từng tuyến gắn với từng chủ đề cụ thể.

7.3. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng cân bằng quy hoạch sử dụng đất

STT	Loại chức năng sử dụng đất	Theo quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 20/01/2012 của UBND tỉnh		Theo điều chỉnh quy hoạch		Tăng (+) giảm (-)
		Diện tích	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ	Diện tích
		(ha)	(%)	(ha)	(%)	(ha)
I	Khu đất dân dụng	233,25	45,48	366,70	71,76	133,45
1	Nhóm nhà ở	141,63	27,62	234,97	45,98	93,34
1.1	- Ở mới đô thị	73,1	14,25	103,30	20,22	30,20
1.2	- Ở hiện trạng	68,53	13,36	131,67	25,77	63,14
2	Hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	0	0,00	0,25	0,05	0,25
3	Giáo dục	8,98	1,75	11,90	2,33	2,92
3.1	- Trung học phổ thông			2,51		
3.2	- Trung học cơ sở			3,06		
3.3	- Tiểu học			3,03		
3.4	- Mầm non			3,30		
4	Dịch vụ - công cộng khác	18,92	3,69	22,20	4,34	3,28
4.1	- Công trình nhà văn hóa	1,21	0,24	1,53	0,30	0,32
4.2	- Công trình y tế, thể thao, công cộng, thương mại, dịch vụ khác	17,71	3,45	20,67	4,05	2,96
5	Cơ quan, trụ sở cấp đô thị	0,28	0,05	0,87	0,17	0,59
6	Cây xanh sử dụng công cộng	14,25	2,78	26,40	5,17	12,15
7	Giao thông đô thị	46,26	9,02	66,58	13,03	20,32
7.1	- Đường giao thông đô thị	46,26	9,02	57,05	11,16	10,79
7.2	- Bãi đỗ xe	0	0,00	9,53	1,86	9,53
8	Hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	2,93	0,57	3,53	0,69	0,60
II	Khu đất ngoài dân dụng	129,4	25,23	95,94	18,77	- 33,46
1	Sản xuất công nghiệp	44,36	8,65	6,27	1,23	- 38,09
2	Trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu	2,95	0,58	0,31	0,06	- 2,64
3	Cơ quan, trụ sở ngoài đô thị	14,46	2,82	12,61	2,47	- 1,85
4	Dịch vụ, du lịch	22,00	4,29	-	-	- 22,00
5	Trung tâm y tế	1,87	0,36	1,69	0,33	- 0,18
6	Trung tâm văn hoá, thể dục thể thao	4,68	0,91	9,64	1,89	4,96
7	Cây xanh sử dụng hạn chế	7,13	1,39	13,97	2,73	6,84
8	Hành lang an toàn đường điện 110KV	0	0,00	5,24	1,03	5,24

STT	Loại chức năng sử dụng đất	Theo quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 20/01/2012 của UBND tỉnh		Theo điều chỉnh quy hoạch		Tăng (+) giảm (-)
		Diện tích	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ	Diện tích
		(ha)	(%)	(ha)	(%)	(ha)
9	Tôn giáo, di tích	2,67	0,52	3,00	0,59	0,33
10	An ninh	0,5	0,10	0,61	0,12	0,11
11	Quốc phòng	0,63	0,12	0,58	0,11	- 0,05
12	Giao thông đối ngoại	16,10	3,14	28,94	5,66	12,84
13	Hạ tầng kỹ thuật khác (<i>trạm điện 110kv, bến xe huyện Lý Nhân</i>)	0,2	0,04	1,48	0,29	1,28
14	Đất nghĩa trang	11,85	2,31	11,60	2,27	- 0,25
III	Khu nông nghiệp và chức năng khác	150,19	29,29	48,36	9,46	- 101,83
1	Sản xuất nông nghiệp	102,71	20,03	16,97	3,32	- 85,74
2	Sông suối, kênh, rạch	44,21	8,62	20,03	3,92	- 24,18
3	Hồ, ao, đầm	3,27	0,64	11,36	2,22	8,09
	Tổng cộng	512,84	100,00	511,00	100,00	- 1,84

* Chỉ tiêu đất đơn vị ở mới theo kỳ quy hoạch được tính toán dựa trên chỉ tiêu dân số tăng thêm của các năm theo kỳ dự báo nhằm đảm bảo chỉ tiêu đất đơn vị ở mới theo kỳ quy hoạch bình quân quy định tại QCVN 01:2021 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

8. Định hướng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội

8.1. Định hướng hệ thống hạ tầng kinh tế:

a) *Phát triển thương mại - dịch vụ:* Quy hoạch trung tâm dịch vụ, thương mại tổng hợp nằm tại nút các trục giao thông quan trọng, hình thành các trung tâm thương mại, dịch vụ tổng hợp, siêu thị, kết hợp với hình thành các tuyến phố thương mại buôn bán truyền thống có quy mô nhỏ và vừa.

b) *Phát triển tiểu thủ công nghiệp:* Hình thành khu vực phát triển tiểu thủ công nghiệp: Làng nghề đồ gỗ mỹ nghệ tại khu vực phía Nam của thị trấn. Góp phần định hướng cho ngành nghề truyền thống của địa phương; kết hợp sản xuất với buôn bán, giới thiệu sản phẩm. Kết hợp với mô hình sản xuất nhỏ lẻ hiện tại của các hộ cá thể trên địa bàn thị trấn.

8.2. Định hướng hệ thống hạ tầng xã hội:

a) *Phát triển hệ thống cơ quan, công sở:*

- Khu trung tâm hành chính mới của huyện vẫn được xác định tại khu vực hai bên đường QL38B và ở phía bắc đường ĐT491 (*theo đồ án quy hoạch chung đã được phê duyệt tại kỳ quy hoạch trước đây*). Bổ sung các công trình công cộng, dịch vụ, các trung tâm văn hóa thể thao phục vụ cho đô thị Vĩnh Trụ và đô thị Lý

Nhân sau này.

- Khối cơ quan hành chính của thị trấn Vĩnh Trụ được bố trí tại UBND xã Đồng Lý cũ, được cải tạo chỉnh trang để đáp ứng nhu cầu sử dụng.

- Khu vực UBND thị trấn Vĩnh Trụ cũ được bố trí là đất cơ quan, định hướng bố trí cho các cơ quan khác có quy mô, tính chất tương đồng (*như trụ sở công an thị trấn, ban chỉ huy quân sự, các cơ quan ngành dọc khác,....*) và được xác định cụ thể khi có nhu cầu.

b) Phát triển mạng lưới công trình y tế: các cơ sở y tế trên địa bàn thị trấn gồm: Trung tâm y tế huyện Lý Nhân, trạm y tế thị trấn Vĩnh Trụ sẽ được giữ nguyên vị trí, nâng cấp và cải tạo chỉnh trang nhằm đảm bảo khả năng phục vụ người dân trong khu vực.

c) Phát triển mạng lưới công trình giáo dục đào tạo: hệ thống giáo dục trên địa bàn thị trấn sau sáp nhập được tiếp tục khai thác sử dụng, từng bước cải tạo chỉnh trang các trường hiện trạng không có khả năng mở rộng (*như: THPT Lý Nhân; trường trung học cơ sở, trường tiểu học khu A thị trấn Vĩnh Trụ; trường mầm non khu A, khu B*), đảm bảo nhu cầu học tập cho giai đoạn hiện nay. Về định hướng phát triển lâu dài, hệ thống trường học được bố trí gắn liền với từng khu vực phát triển dân cư mới đảm bảo chỉ tiêu và bán kính phục vụ, nhằm tạo điều kiện học tập, đi lại thuận tiện, đáp ứng về cơ sở vật chất cho hệ thống công trình giáo dục, hướng tới nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục đào tạo tại địa phương.

d) Phát triển mạng lưới công trình thiết chế văn hóa, cây xanh, thể dục thể thao:

- Vị trí sân vận động của huyện được định hướng chuyển đổi thành đất văn hóa thể thao cho phù hợp với chức năng, phát huy hiệu quả khai thác sử dụng về vị trí không gian kề cận sông Châu, nằm trong khu trung tâm hiện hữu có dân cư sinh sống đông đúc.

- Bố trí cụm công trình thể thao (*sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi, sân tập luyện....*) theo hướng tập trung tại khu vực trung tâm mới phía Đông thị trấn đảm bảo đáp ứng được yêu cầu sử dụng khi Lý Nhân trở thành thị xã trong tương lai.

- Khu vực trung tâm thị trấn bố trí hệ thống công viên, vườn hoa, cây xanh hồ nước tạo không gian công cộng, điều hòa vi khí hậu cho đô thị. Khu vực nhóm ở bố trí các vườn hoa cây xanh đảm bảo chỉ tiêu quy định.

- Hệ thống thiết chế văn hoá truyền thống như đình làng, các khu vực các nhà văn hoá, sân thể thao tại các tổ dân phố (*thôn xóm cũ*) sẽ tiếp tục duy trì hoạt động đồng thời kết hợp rà soát bổ sung các khu vực sân thể thao trong các khu dân cư hiện trạng phục vụ sinh hoạt cộng đồng của các khu dân cư cấp nhóm ở.

e) Khu nhà ở đô thị:

- Các khu ở mới sẽ được hình thành trên cơ sở định hướng phân bố các khu chức năng theo quy hoạch chung thị trấn và được cụ thể hóa thông qua các đồ án quy hoạch chi tiết làm cơ sở thu hút đầu tư các dự án khu nhà ở, khu đô thị trên địa bàn thị trấn. Khu vực được lựa chọn ưu tiên phát triển nằm dọc trục đường QL.38B và đường D1.

- Các khu ở mới mang hình ảnh khu ở hiện đại, chỉ tiêu mật độ, tầng cao xây dựng được định hướng cho từng khu vực theo quy hoạch chung, các khu nhà ở, khu đô thị được định hướng đầu tư xây dựng đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Khu vực nhà ở làng xóm hiện trạng được cải tạo chỉnh trang cơ bản đồng bộ, khớp nối hài hòa với khu vực phát triển mới.

9. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

9.1. Định hướng phát triển hệ thống giao thông:

a) Đường bộ:

- Đường bộ đối ngoại:

+ Tuyến đường quốc lộ 38B đi qua thị trấn thực hiện theo quy hoạch đường bộ quốc gia đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt theo quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021. Trên cơ sở quy hoạch là đường cấp III, của Bộ giao thông vận tải bổ sung hè đường và đường gom để khai thác theo hướng đường đô thị. Lộ giới của tuyến đường quốc lộ 38B từ 16,5m÷53m.

+ Các tuyến đường tỉnh (*ĐT.491, ĐT.492*) được cập nhật theo quy hoạch Tỉnh đảm bảo thống nhất toàn tuyến về quy mô mặt cắt, kết nối đồng bộ về hướng tuyến. Theo đó, Lộ giới của các tuyến đường từ 16,5m-20,5m.

- Giao thông đô thị: Xây dựng hệ thống đường liên khu vực lộ giới từ 16,5 - 54m; đường chính khu vực lộ giới từ 13,5 - 30m; đường khu vực có lộ giới ≥ 13 m.

- Công trình giao thông:

+ Bến xe: Bố trí 1 bến xe liên tỉnh (*khu vực phía Đông thị trấn*).

+ Bãi đỗ xe tĩnh: Xây dựng các bãi đỗ xe tập trung (*nổi/ngâm*) trong khu vực trung tâm đô thị hiện hữu và các khu vực phát triển mới của thị trấn.

b) Đường thủy:

- Tiếp tục kè bờ và nạo vét luồng lạch trên tuyến sông Châu đạt tiêu chuẩn kỹ thuật sông cấp 3, vừa đóng vai trò là vận tải đường thủy vừa là trục kết nối giữa sông Đáy với sông Hồng từ phía Bắc xuống phía Nam của thị trấn.

- Nghiên cứu xây dựng cầu để thay thế đập Vĩnh Trụ, đảm bảo đồng bộ với tuyến vận tải đường thủy trên tuyến sông Châu.

9.2. Định hướng cao độ san nền xây dựng và thoát nước mưa:

a) Nền xây dựng:

- Cao độ khống chế nền xây dựng cho khu vực dân dụng $H_{xd} \geq +3,0$ m.

- Cao độ nền xây dựng khu vực công nghiệp $H_{xd} \geq 3,4$ m.

- Khu vực đã xây dựng (*làng xóm đô thị hóa*) giữ nguyên hiện trạng. Những khu vực có cao độ nền nhỏ hơn cao độ khống chế $<3,0$ m, từng bước cải tạo đảm bảo theo cao độ khống chế chung của khu vực.

b) Thoát nước mưa: khu vực hiện hữu dùng hệ thống thoát nước nửa riêng, khu vực phát triển mới dùng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

Nước mưa theo hệ thống cống thoát ra các kênh tiêu trong khu vực sau đó

thoát ra sông Châu qua các cống điều tiết hoặc sử dụng các trạm bơm tiêu động lực. Khuyến khích áp dụng mô hình thoát nước bền vững cho các khu vực phát triển đô thị.

- Toàn bộ thị trấn Vĩnh Trụ chia làm 05 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1 (*Khu vực phía Tây đường quốc lộ 38B phía Bắc đường ĐT.491*): Hướng thoát chính từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây qua các cửa xả rồi thoát ra sông Châu.

+ Lưu vực 2 (*Khu vực phía Tây đường quốc lộ 38B, phía Nam đường ĐT.491 và phía Bắc kênh tưới Đại Dương*): Hướng thoát chính từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây qua các cửa xả rồi thoát ra sông Châu.

+ Lưu vực 3 (*Khu vực phía Tây đường quốc lộ 38B và phía Nam kênh Đại Dương*): Hướng thoát chính từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây qua cửa xả rồi thoát ra sông Châu.

+ Lưu vực 4 (*Khu vực phía Đông đường quốc lộ 38B và phía Bắc kênh Đại Dương*): Hướng thoát chính từ Nam lên Bắc ra kênh tiêu SL-23 rồi đổ ra sông Châu.

+ Lưu vực 5 (*Khu vực phía Đông đường quốc lộ 38B và phía Nam kênh Đại Dương*): Hướng thoát chính từ Bắc xuống Nam ra kênh tiêu CG-2 về trạm bơm Nhân Khang rồi đổ ra sông Châu.

- Các công trình đầu mối và hệ thống tiêu thoát nước được quy hoạch tính đến các kịch bản biến đổi khí hậu: Sử dụng các hồ, ao tự nhiên hiện có, bổ sung thêm hồ điều hòa gắn với công viên cây xanh để phục vụ yêu cầu tiêu thoát nước cho đô thị, hạn chế ngập úng cục bộ, đồng thời tạo không gian, cảnh quan cho đô thị. Nâng cấp, cải tạo, kiên cố hóa các trục tiêu thoát nước chính như kênh SL-23, CG-2 và các tuyến kênh tiêu hiện trạng, hồ chứa và trạm bơm tiêu phía Tây (*khu đô thị và thương mại dọc tuyến đường nối 02 tuyến đường ĐT.499 với ĐT.491*) để đảm bảo tiêu thoát nước cho khu vực.

- Hệ thống thoát nước mưa: Sử dụng mương nắp đan, cống hộp BTCT có kích thước BxH=300x400÷BxH=3000x2000 hoặc cống tròn BTCT có đường kính D400÷D2000. Khu vực hiện trạng đã xây dựng ổn định, cải tạo nâng cấp mương cống hiện trạng đảm bảo tiêu thoát nước cho khu vực.

9.3. Định hướng cấp nước:

a) *Nguồn nước, nhu cầu sử dụng nước:*

- Tổng nhu cầu sử dụng nước khoảng: 7.700 m³/ng.đ.

- Nguồn cấp: Sử dụng nước từ nhà máy nước Vĩnh Trụ (*công suất 12.000m³/ng.đ đến năm 2030*) và bổ sung nguồn cấp từ Nhà máy nước Đạo Lý.

b) *Mạng lưới cấp nước:*

- Quy hoạch đường ống cấp nước truyền tải theo quy hoạch vùng Φ400, Φ500 truyền dẫn từ nhà máy nước Đạo Lý về TBTA Vĩnh Trụ và truyền tải đi sang khu vực huyện Bình Lục theo đường ĐT491.

- Mạng lưới cấp nước gồm các tuyến ống cấp nước dự kiến và các tuyến ống cấp nước hiện có, nâng cấp đảm bảo công suất và tránh thất thoát; phát triển mạng

lưới ống phân phối chính kết nối mạch vòng cho các khu vực hiện có và các khu đô thị mới, gồm các tuyến ống $\Phi 400$, $\Phi 315$, $\Phi 250$, $\Phi 160$.

- Cấp nước cứu hỏa: nguồn nước lấy từ ống cấp nước trên các trục đường, mương tiêu, hồ nước, các trụ cứu hỏa được bố trí khoảng cách tối đa 150m/trụ và bố trí tại các vị trí ngã ba, ngã tư, khu vực công cộng thuận lợi cho việc chữa cháy. Ngoài ra bố trí điểm lấy nước tại hồ nước, mặt nước cảnh quan trong đô thị làm nguồn nước sử dụng cứu hỏa.

9.4. Định hướng cấp điện:

a) Nguồn điện, nhu cầu cấp điện:

- Nguồn điện từ trạm 110kV Lý Nhân (110/35/22KV-2x63MVA).

- Tổng nhu cầu sử dụng điện khoảng: 27.850kVA.

b) Mạng lưới cấp điện:

- Trạm điện:

+ Trạm điện cao thế 110kV: Giữ nguyên quy mô, công suất theo hiện trạng đang hoạt động, từng bước cải tạo, nâng công suất theo nhu cầu phát triển trên cơ sở phù hợp với quy hoạch vùng huyện.

+ Trạm điện trung, hạ thế: Bố trí các trạm biến áp tập trung 22/0,4kV, các trạm biến áp xây dựng mới cho khu đô thị dùng loại trạm Kios kiểu kín hợp bộ, trạm đặt trên một cột hoặc loại trạm xây, đảm bảo bán kính phục vụ, khu vực dân cư hiện trạng di chuyển, chỉnh trang sử dụng loại trạm treo, các trạm đặt ở các khu vực cây xanh nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Lưới điện:

+ Lưới điện cao thế 110kV: Giữ nguyên hướng tuyến hiện trạng, từng bước cải tạo, nâng cấp, di chuyển 1 số đoạn tuyến trên tuyến đường dây 110kV Phủ Lý - Lý Nhân theo dự án đã được chấp thuận; các tuyến đường dây 110kV hiện trạng trong quá trình vận hành, khai thác sẽ có lộ trình cải tạo, nâng cao độ tĩnh không để đảm bảo an toàn lưới điện cao thế theo quy định.

+ Lưới điện 22kV: một số lưới điện trung thế hiện trạng cắt ngang qua các khu vực dân cư hiện hữu có lộ trình di chuyển đi theo các tuyến đường quy hoạch đảm bảo các yêu cầu về an toàn lưới điện; cập nhật hệ thống lưới điện trung thế và các trạm biến áp theo các dự án đã được phê duyệt. Xây dựng mới lưới điện trung thế 22kV dọc đường ĐT.491, quốc lộ 38B và các tuyến đường, cấp cho các khu đô thị và tiểu thủ công nghiệp theo nhu cầu của phụ tải. Các tuyến đường điện 22kV được bố trí đi ngầm trong hào kỹ thuật đi theo các tuyến đường quy hoạch.

+ Lưới điện hạ thế và chiếu sáng được đi ngầm, đèn chiếu sáng sử dụng đèn Led tiết kiệm năng lượng, các khu sân chơi, công viên, vườn hoa và hồ nước cảnh quan,... bố trí thêm hệ thống chiếu sáng trang trí.

9.5. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

a) Thoát nước thải:

- Tổng nhu cầu nước thải của đô thị khoảng 6.200 m³/ngđ, trong đó nhu cầu

xử lý nước thải của dự án xây dựng HTKT Khu dân cư và du lịch làng nghề gỗ mỹ nghệ Lý Nhân là $550\text{m}^3/\text{ngđ}$, nhu cầu xử lý nước thải của các khu vực còn lại khoảng $5.650\text{m}^3/\text{ngđ}$.

- Hướng thoát nước: Nước thải của đô thị được thu gom về các khu xử lý tập trung theo 04 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1 (*khu vực phía Tây đường quốc lộ 38B và phía Bắc đường ĐT.491*): nước thải thu gom về trạm xử lý nước thải 1, công suất trước mắt khoảng $350\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, giai đoạn sau chuyển thành trạm bơm chuyển bậc nâng công suất lên $1.500\text{m}^3/\text{ngđ}$, chuyển về trạm xử lý nước thải 5 có công suất $5.650\text{m}^3/\text{ngđ}$.

+ Lưu vực 2 (*khu vực phía Tây đường quốc lộ 38B và phía Nam đường ĐT.491*): nước thải thu gom về trạm xử lý nước thải 2, công suất khoảng $300\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, giai đoạn sau chuyển thành trạm bơm chuyển bậc nâng công suất lên $2.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ rồi bơm về trạm xử lý nước thải 5.

+ Lưu vực 3 (*khu vực phía Đông đường quốc lộ 38B*): một phần nước thải được thu gom về trạm xử lý nước thải 3 có công suất khoảng $550\text{m}^3/\text{ngđ}$ (dài hạn chuyển thành trạm bơm chuyển bậc về trạm xử lý số 5); phần còn lại thu gom rồi đưa về trạm xử lý nước thải 5.

+ Lưu vực 4 (*khu vực dân cư và du lịch làng nghề gỗ mỹ nghệ phía Nam kênh Đại Dương*): nước thải thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của khu vực làng nghề có công suất $550\text{m}^3/\text{ngđ}$ (*xử lý theo trạm riêng của khu tiểu thủ công nghiệp*).

- Mạng lưới thu gom nước thải gồm các tuyến ống có đường kính từ $D300\div D400$, độ dốc dọc cống được thiết kế đảm bảo theo nguyên tắc tự chảy ($i_{\min} > 1/D$). Bố trí các trạm bơm chuyển bậc tại ô đất cây xanh cách ly và ống áp lực có kích thước phù hợp. Trạm xử lý được chia thành các modul phù hợp với nhu cầu, bố trí hệ thống hồ sự cố theo quy định, nước thải xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

b) Chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

- Tổng lượng CTR phát sinh trong khu vực khoảng $34\text{ tấn}/\text{ngày đêm}$.

- Chất thải rắn được phân loại tại nguồn. Chất thải rắn công nghiệp và y tế nguy hại phải thu gom và vận chuyển riêng.

c) Quy hoạch nghĩa trang:

- Các nghĩa trang tiến hành đóng cửa theo lộ trình (*nghĩa trang Đường Lò, Đồng Chung, Công Xá*), bố trí cây xanh cách ly kết hợp cây xanh cảnh quan gắn với không gian mặt nước nhằm đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh môi trường và cảnh quan cho đô thị. Mở rộng nghĩa trang Đường Gạo nhằm di chuyển các mộ nhỏ lẻ về khu nghĩa trang tập trung, phục vụ nhu cầu mai táng của người dân trong khu vực.

- Nhà tang lễ: Bố trí 01 nhà tang lễ của đô thị dự kiến xây gắn với khu nghĩa trang Đường Gạo hiện trạng phục vụ cho đô thị và các xã trong vùng, quy mô diện tích khoảng $1,0\text{ha}$.

9.6. Định hướng phát triển hệ thống viễn thông:

- Tổng nhu cầu sử dụng thông tin toàn khu vực khoảng 9.900 thuê bao.
- Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc với công nghệ hiện đại, sử dụng công nghệ mới về thông tin viễn thông, tiến tới truy cập thông tin trên diện rộng, đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ viễn thông.
- Hệ thống truyền dẫn thiết kế dạng mạch vòng, kết hợp cung cấp dịch vụ truyền hình cáp, internet băng thông rộng...; ngầm hoá hệ thống đường dây.

10. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Khuyến khích phát triển mô hình kiến trúc xanh; duy trì, mở rộng và bảo vệ diện tích mặt nước; sử dụng công nghệ thân thiện môi trường trong các lĩnh vực sản xuất và sinh hoạt; sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, sử dụng năng lượng sạch; sử dụng, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản, nguồn nước, đảm bảo các quy định về môi trường.

- Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát định kỳ về môi trường tại các khu vực làng nghề và các khu vực khác có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Khu vực sản xuất, làng nghề: Áp dụng hệ thống quản lý và bảo vệ môi trường theo Bộ tiêu chuẩn ISO 14001:2015.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn; duy trì và phát triển hệ thống cây xanh cảnh quan, hồ điều hòa trong khu vực trung tâm, tập trung đông dân cư. Đầu tư hệ thống, thiết bị cho việc phân loại và thu gom rác thải sinh hoạt; xây dựng hệ thống thoát nước hợp vệ sinh; áp dụng các quy trình sản xuất công nghệ cao, sạch trong sản xuất nông nghiệp.

- Các giải pháp thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu: Nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu; lồng ghép vấn đề thích ứng biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của khu vực chịu ảnh hưởng trong điều kiện biến đổi khí hậu; huy động nguồn lực để củng cố, nâng cấp hệ thống công trình phòng chống lũ, bão.

11. Quy hoạch không gian ngầm

- Việc xây dựng các công trình ngầm, phần ngầm của các công trình xây dựng phải đảm bảo phù hợp với không gian xây dựng ngầm trong đồ án quy hoạch đô thị và quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị được quy tại Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010.

- Hào kỹ thuật/Hệ thống ống chờ luân cáp kết hợp hồ ga kỹ thuật (*bể cáp*) nối các khoảng ống nhằm phục vụ cho việc hạ ngầm và bố trí hệ thống đường dây cáp điện, thông tin liên lạc đi bên trong và thuận tiện trong việc vận hành, nâng cấp sửa chữa hệ thống đường dây, đảm bảo mỹ quan đô thị.

12. Các chương trình chiến lược và dự án ưu tiên đầu tư

12.1. Các chương trình chiến lược:

- Lập kế hoạch thực hiện quy hoạch trong đó ưu tiên triển khai lập các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo quy định làm cơ sở quản lý, thu hút đầu tư xây dựng đảm bảo đồng bộ, từng bước củng cố và nâng cao các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị đối với đô thị loại IV.

- Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị, điều chỉnh chương trình phát triển đô thị thị trấn Vĩnh Trụ theo đồ án quy hoạch chung thị trấn được duyệt.

12.2. Dự án ưu tiên:

- Các dự án đường QL.38B, các đường trục D1, N2. Cải tạo chỉnh trang đô thị trong khu vực dân cư hiện hữu có hạ tầng thấp kém (*đường, cây xanh, cấp thoát nước, cấp điện, điện chiếu sáng*)

- Xây dựng các khu công viên cây xanh tập trung, công trình thể dục thể thao cấp huyện; cấp nhóm ở.

- Nâng cấp, cải tạo Nhà máy nước Vĩnh Trụ và các hệ thống đường ống cấp nước gắn với bổ sung nguồn nước từ Nhà máy nước Đạo Lý nhằm đảm bảo nguồn nước cho tương lai.

- Nạo vét, khơi thông sông Châu kết hợp thay thế đập Vĩnh Trụ để khai thác tuyến vận tải thủy đồng thời đảm bảo việc cấp thoát nước trên địa bàn thị trấn và các khu vực lân cận.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân:

- Tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch chung thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân theo đúng quy định để các tổ chức, cá nhân biết thực hiện.

- Tổ chức lập hồ sơ cắm mốc giới và triển khai cắm mốc giới và tổ chức triển khai cắm mốc giới quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch đảm bảo đúng quy định.

- Triển khai lập kế hoạch thực hiện quy hoạch và tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị; lập Chương trình phát triển đô thị theo quy định.

- Tổ chức rà soát lập (*hoặc phối hợp lập*), thẩm định và phê duyệt các quy hoạch chi tiết đô thị trong ranh giới khu vực quy hoạch được phê duyệt.

- Đối với các khu dân cư hiện hữu, tổ chức rà soát hiện trạng, lập và thẩm định phê duyệt quy hoạch cải tạo, chỉnh trang cảnh quan kiến trúc, giao thông, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo sự đồng bộ, khớp nối với khu vực quy hoạch đô thị mới, làm cơ sở để đầu tư xây dựng, quản lý trật tự xây dựng.

2. Sở Xây dựng: kiểm tra, ký xác nhận vào bản vẽ quy hoạch theo đúng nội dung Quyết định được phê duyệt; thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện theo quy hoạch được duyệt, đảm bảo tuân thủ quy hoạch theo phân cấp và các quy định hiện hành.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo phù hợp với định hướng quy hoạch được duyệt.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ chế, chính sách, nguồn lực để thực hiện các dự án đầu tư theo Quy hoạch được duyệt theo trình tự ưu tiên từng giai đoạn đảm bảo tiến độ và đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 20/01/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (*để b/c*);
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, GTXD, TH;
- Lưu VT, GTXD_(DH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Chức